

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	04 - 27
Bảng cân đối kế toán	04 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Đăng Thuận	Ủy viên
Ông Vũ Ngọc Đàm	Ủy viên
Ông Phùng Hoài Linh	Ủy viên
Bà Phạm Thu Hằng	Ủy viên

Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2012 theo Nghị quyết số: 174/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2012

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Đức Trung đã miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2012 theo Quyết định số: 354/QĐ-PEC ngày 10/12/2011.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



Lê Minh Hải

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

**TM. Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



Lê Minh Hải

1388  
NG  
NH  
M T  
VÂN T  
XUÂN



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)

Phòng 201, Tòa nhà 262 Nguyễn Huy Tưởng, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4).6266.2284, Fax: (84-4).6266.2285, Web: www.atc-audit.com

Số: 22 /2013/ATC-KTTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2013

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực từ trang 04 đến trang 27 được lập ngày 01/03/2013, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.



**Lê Thành Công**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ KTV số: 0498/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)**

**Phan Thanh Quân**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ KTV số: 1974/KTV

78 - G  
T  
H  
D  
H  
H  
- TP. H

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>304.006.687.665</b>	<b>279.846.199.206</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>25.715.774.532</b>	<b>23.754.719.031</b>
1. Tiền	111		25.715.774.532	23.754.719.031
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>171.809.081.282</b>	<b>189.455.965.547</b>
1. Phải thu khách hàng	131		120.216.898.514	137.737.284.315
2. Trả trước cho người bán	132		50.193.578.195	48.256.395.964
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.02	15.576.809.791	15.151.873.497
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	VI.1a	(14.178.205.218)	(11.689.588.229)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>105.905.751.982</b>	<b>66.584.326.979</b>
1. Hàng tồn kho	141		105.905.751.982	66.584.326.979
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>576.079.868</b>	<b>51.187.649</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	81.369.812	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		494.710.056	51.187.649
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>69.473.359.904</b>	<b>64.499.592.228</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.154.285.196</b>	<b>19.062.658.692</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2.845.345.962	5.897.363.115
- Nguyên giá	222		33.144.320.161	32.983.974.706
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.298.974.199)	(27.086.611.591)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	15.375.950	59.067.610
- Nguyên giá	228		225.742.000	225.742.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(210.366.050)	(166.674.390)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	21.293.563.284	13.106.227.967
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.08</b>	<b>25.050.000.000</b>	<b>25.050.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		22.550.000.000	22.550.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	2.500.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.269.074.708</b>	<b>20.386.933.536</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	20.269.074.708	20.386.933.536
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>373.480.047.569</b>	<b>344.345.791.434</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>318.844.455.971</b> ✓	<b>290.897.212.006</b> ✓
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>305.452.113.820</b> ✓	<b>278.538.030.371</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	104.262.526.138	53.042.888.613
2. Phải trả người bán	312		42.304.047.301 ✓	51.003.724.956
3. Người mua trả tiền trước	313		137.592.764.711 ✓	158.095.616.576
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.189.800.840 ✓	771.381.750
5. Phải trả người lao động	315		6.672.259.411 ✓	5.896.730.270
6. Chi phí phải trả	316	V.12	239.050.209 ✓	152.051.357
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	5.499.292.147 ✓	4.600.192.163
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.692.373.063 ✓	4.975.444.687
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.392.342.151</b>	<b>12.359.181.635</b> ✓
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		4.148.720.060 ✓	4.148.720.060
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	187.906.778 ✓	1.846.121.760
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.743.357.106
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		6.662.037.690 ✓	2.227.305.086
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.393.677.623 ✓	2.393.677.623
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>54.635.591.598</b> ✓	<b>53.448.579.427</b> ✓
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>54.635.591.598</b>	<b>53.448.579.427</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.300.000.000 ✓	24.300.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.325.000.000 ✓	2.325.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.036.263.497 ✓	8.036.263.497
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	174.720
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.342.764.077 ✓	16.155.577.186
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.631.564.024 ✓	2.631.564.024
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>			<b>373.480.047.569</b> ✓	<b>344.345.791.434</b>



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

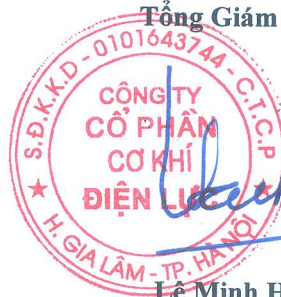
CHỈ TIÊU	TM	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý		293.861.000	293.861.000 ✓
2. Ngoại tệ các loại (USD)		323,29	13.205,66 ✓

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hà Thanh Thủy

Phạm Thu Hằng

Lê Minh Hải

1013  
CÔNG  
TÂN  
KIỂM  
TƯ VÀ  
VH XU

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.16	356.028.390.187 ✓	351.203.845.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.16	-	29.448.978
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	V.16	356.028.390.187 ✓	351.174.396.641
4. Giá vốn hàng bán	11	V.17	320.274.823.582 ✓	330.623.613.729
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>35.753.566.605 ✓</b>	<b>20.550.782.912</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	345.012.117 ✓	5.460.193.835
7. Chi phí tài chính	22	V.19	12.179.276.623 ✓	10.293.871.983
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.947.271.952 ✓	9.325.516.286
8. Chi phí bán hàng	24		5.059.205.799 ✓	(11.182.086.867)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.765.598.783 ✓	20.367.206.280
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>4.094.497.517 ✓</b>	<b>6.531.985.351</b>
11. Thu nhập khác	31		3.573.961.070 ✓	2.830.468.122
12. Chi phí khác	32		1.676.594.516 ✓	1.967.975.936
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	V.20	<b>1.897.366.554 ✓</b>	<b>862.492.186</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.991.864.071 ✓</b>	<b>7.394.477.537</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	1.435.833.735 ✓	395.286.707
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4.556.030.336 ✓</b>	<b>6.999.190.830</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.22	1.875	2.880

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hà Thanh Thủy

Phạm Thu Hằng

Lê Minh Hải



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU (1)	Mã số (2)	TM (3)	Năm 2012	Năm 2011
			VND (4)	VND (5)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.991.864.071 ✓	7.394.477.537
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.256.054.268 ✓	3.331.937.176
- Các khoản dự phòng	03		2.488.616.989 ✓	7.462.113.894
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(341.347.637) ✓	(5.427.112.371)
- Chi phí lãi vay	06		11.947.271.952 ✓	9.325.516.286
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.342.459.643 ✓	22.086.932.522
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.633.200.337 ✓	(52.706.109.800)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(39.321.425.003) ✓	36.805.752.120
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(24.224.816.366) ✓	13.071.289.510
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		117.858.828 ✓	(52.274.634)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11.678.433.126) ✓	(8.980.459.434)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.758.220) ✓	(2.013.517.421)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(325.120.000) ✓	(182.090.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(37.479.033.908)	8.029.522.863
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.347.680.772) ✓	(3.150.427.097)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	80.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		341.347.637 ✓	215.287.120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.006.333.135) ✓	(2.855.139.977)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		223.981.862.335 ✓	197.968.781.926
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(174.420.439.792) ✓	(200.528.394.016)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.115.000.000) ✓	(3.645.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		47.446.422.543 ✓	(6.204.612.090)



Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	<u>1.961.055.501</u>	<u>(1.030.229.204)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	<u>23.754.719.031</u>	<u>24.784.736.541</u>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	211.694
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 V.01	<u>25.715.774.532</u>	<u>23.754.719.031</u>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hà Thanh Thủy

Phạm Thu Hằng

Lê Minh Hải

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực được thành lập theo Quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13 tháng 10 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Nhà máy cơ khí Yên Viên thuộc Công ty sản xuất Thiết bị điện thành Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 07/04/2006, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 08/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần từ ngày 01/04/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 29/05/2012 với nội dung bổ sung thông tin về hai (02) chi nhánh được thành lập trong năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại : Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Hà Nội

Công ty có các công ty con và chi nhánh sau :

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
<b>Công ty con</b>	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Nguồn Điện	Đường Tiên Sơn 10, KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh
Công ty TNHH Xây lắp PEC	Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
<b>Chi nhánh hạch toán phụ thuộc</b>	
Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ khí điện lực – Xí nghiệp Cơ khí	Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ khí điện lực – Xí nghiệp Kết cấu thép mạ	Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Đúc sắt, thép
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Đại lý;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống..., đập và đê; Xây dựng đường hầm; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ khi kinh doanh bất động sản)
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)
- Lắp đặt hệ thống điện; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải)
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức; Giáo dục đáp ứng nhu cầu người học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền cho phép); Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); Tư vấn quản lý kinh doanh (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); Cho thuê kho, bãi đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm Công ty thành lập hai (02) chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ khí điện lực – Xí nghiệp Cơ khí theo Quyết định số 198/3/QĐ-ĐKDN-PEC/2012 ngày 07 tháng 05 năm 2012;
- Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ khí điện lực – Xí nghiệp Kết cấu thép mạ theo Quyết định số 198/4/QĐ-ĐKDN-PEC/2012 ngày 07 tháng 05 năm 2012

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại thông tư 206/2009/TT-BTC ngày 27/01/2009 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

99276  
GTY  
HH  
TOÁ  
NTHU  
AN - T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 27
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 08
Thiết bị văn phòng	05

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình tại Công ty là giá trị của phần mềm kế toán.

Thời gian khấu hao của tài sản cố định vô hình được xác định theo thời gian sử dụng ước tính là 05 năm. Công ty trích khấu hao nhanh bằng hai lần mức khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Đầu tư vào Công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty con là các khoản đầu tư vào các Công ty do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê 5.000 m<sup>2</sup> đất tại Hải Dương, thời gian cho thuê là 49 năm, Công ty đang hoàn tất thủ tục để nhận bàn giao quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất chưa được phân bổ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm tuân thủ các quy định kế toán hiện hành.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Tất cả các khoản phát sinh chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dự tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán phù hợp với quy định tại thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

1013  
CỔN  
TN  
IẾM  
Ư VẢI  
XU



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	40.554.500	161.006.500
Tiền gửi ngân hàng	25.675.220.032	23.593.712.531
<b>Tổng</b>	<b>25.715.774.532</b>	<b>23.754.719.031</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.805.979.821	14.805.979.821
Bảo hiểm xã hội phải thu	275.011.367	94.707.362
Thuế GTGT chưa kê khai	204.168.531	7.441.135
Phải thu khác	291.650.072	243.745.179
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí nguồn điện	212.433.360	212.433.360
+ Thuế TNCN	400.000	14.740.200
+ Các khoản phải thu khác	78.816.712	16.571.619
<b>Tổng</b>	<b>15.576.809.791</b>	<b>15.151.873.497</b>

**3. Hàng tồn kho**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.501.703.012	54.180.943.424
Công cụ, dụng cụ	175.751.559	110.885.394
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.402.284.528	6.265.277.930
Thành phẩm	57.526.089.684	6.027.220.231
Hàng hoá	299.923.200	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>105.905.751.982</b>	<b>66.584.326.979</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>105.905.751.982</b>	<b>66.584.326.979</b>

**4. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	81.369.812	-
<b>Tổng</b>	<b>81.369.812</b>	<b>-</b>

39278  
 CÔNG TY  
 CƠ KHÍ  
 ĐIỆN LỰC  
 HÀ NỘI  
 N-TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2012	10.553.422.107	15.560.703.665	6.007.262.552	829.214.953	33.371.429	32.983.974.706
Tăng trong năm	-	144.900.000	-	15.445.455	-	160.345.455
Mua trong năm	-	144.900.000	-	15.445.455	-	160.345.455
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	10.553.422.107	15.705.603.665	6.007.262.552	844.660.408	33.371.429	33.144.320.161
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2012	8.281.072.977	12.825.486.531	5.194.342.563	772.883.307	12.826.213	27.086.611.591
Tăng trong năm	448.776.492	2.073.738.748	629.290.508	49.433.028	11.123.832	3.212.362.608
Khấu hao trong năm	448.776.492	2.073.738.748	629.290.508	49.433.028	11.123.832	3.212.362.608
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	8.729.849.469	14.899.225.279	5.823.633.071	822.316.335	23.950.045	30.298.974.199
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2012	2.272.349.130	2.735.217.134	812.919.989	56.331.646	20.545.216	5.897.363.115
Tại 31/12/2012	1.823.572.638	806.378.386	183.629.481	22.344.073	9.421.384	2.845.345.962

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Cơ khí Nguồn điện	Đường TS 10 - KCN Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh kết cấu thép, Các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa... Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp, các công trình viễn thông và truyền thông...
Công ty TNHH Xây lắp PEC	150 - Hà Huy Tập - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội	51%	51%	

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trị giá chuyển quyền sử dụng đất tại Hải Dương	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	269.074.708	386.933.536
<b>Cộng</b>	<b>20.269.074.708</b>	<b>20.386.933.536</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	104.262.526.138	53.042.888.613
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	99.460.046.570	53.042.888.613
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN - CN Trần Duy Hưng	4.802.479.568	-
<b>Tổng</b>	<b>104.262.526.138</b>	<b>53.042.888.613</b>

*Trong đó:* Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm vay
01-2012/HĐ TD/NHC TCD-PEC	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Theo lãi suất ngân hàng	09 tháng	99.460.046.570	99.460.046.570	99.460.046.570	Tín chấp
SHBVN/TDHD2012/0011	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Theo lãi suất ngân hàng	12 tháng	4.802.479.568	4.802.479.568	4.802.479.568	Tín chấp
<b>Cộng</b>					<b>104.262.526.138</b>	<b>104.262.526.138</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.319.412.111	104.016.328
Thuế xuất, nhập khẩu	883.729.437	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.952.744.828	383.622.592
Thuế thu nhập cá nhân	-	27.064.706
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	33.914.464	256.678.124
<b>Tổng</b>	<b>4.189.800.840</b>	<b>771.381.750</b>

**12. Chi phí phải trả**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí lãi vay phải trả	239.050.209	152.051.357
<b>Tổng</b>	<b>239.050.209</b>	<b>152.051.357</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	855.686.332	727.825.181
Trợ cấp ốm đau thai sản	18.700.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.624.905.815	3.872.366.982
+ Cổ tức phải trả	4.446.299.700	3.645.299.700
+ Các khoản phải trả khác	178.606.115	227.067.282
<b>Tổng</b>	<b>5.499.292.147</b>	<b>4.600.192.163</b>

**14. Vay dài hạn và nợ dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay tiền sinh nhật người lao động trong Công ty	187.906.778	1.846.121.760
<b>Tổng</b>	<b>187.906.778</b>	<b>1.846.121.760</b>

013992  
CÔNG TY  
TINH  
M T C  
VĂN T  
XUÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC**

Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****15. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>2.325.000.000</b>	<b>8.036.263.497</b>	<b>39.708.561</b>	<b>13.752.192.156</b>	<b>2.281.604.482</b>	<b>-</b>	<b>50.734.768.696</b>
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	2.403.385.030	349.959.542	6.999.190.830	9.752.535.402
Lãi	-	-	-	-	-	-	6.999.190.830	6.999.190.830
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	2.403.385.030	349.959.542	-	2.753.344.572
<b>Giảm trong năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.533.841</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.999.190.830</b>	<b>7.038.724.671</b>
Chi cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	3.645.000.000	3.645.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	3.354.190.830	3.354.190.830
Giảm khác	-	-	-	39.533.841	-	-	-	39.533.841
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>2.325.000.000</b>	<b>8.036.263.497</b>	<b>174.720</b>	<b>16.155.577.186</b>	<b>2.631.564.024</b>	<b>-</b>	<b>53.448.579.427</b>
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	1.187.186.891	-	4.556.030.336	5.743.217.227
Lãi	-	-	-	-	-	-	4.556.030.336	4.556.030.336
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	1.187.186.891	-	-	1.187.186.891
<b>Giảm trong năm nay</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>174.720</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.556.030.336</b>	<b>4.556.205.056</b>
Chi cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	2.916.000.000	2.916.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.483.983.615	1.483.983.615
Giảm khác	-	-	-	174.720	-	-	156.046.721	156.221.441
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>2.325.000.000</b>	<b>8.036.263.497</b>	<b>-</b>	<b>17.342.764.077</b>	<b>2.631.564.024</b>	<b>-</b>	<b>54.635.591.598</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	10.200.000.000	10.200.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.200.000.000	10.200.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.100.000.000	14.100.000.000
- Các Cổ đông sáng lập khác	2.068.300.000	2.068.300.000
- Cổ đông khác	12.031.700.000	12.031.700.000
<b>Cộng</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>24.300.000.000</b>

**c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	24.300.000.000	24.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	24.300.000.000	24.300.000.000

**d) Cổ tức**

Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

Thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết số 52/NQ-PEC ngày 12/03/2013 về việc phân phối lợi nhuận năm 2012

**Đồng/cổ phiếu**

2.916.000.000

1.200

**e) Cổ phiếu**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>2.430.000</b>	<b>2.430.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>2.430.000</b>	<b>2.430.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.430.000	2.430.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.430.000</b>	<b>2.430.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.430.000	2.430.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng thành phẩm	200.559.271.554	276.046.515.012
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	118.749.593.929	42.008.030.629
Doanh thu cung cấp dịch vụ mạ	36.670.325.840	33.143.974.978
Doanh thu khác	49.198.864	5.325.000
<b>Tổng</b>	<b>356.028.390.187</b>	<b>351.203.845.619</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	29.448.978
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>29.448.978</b>
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu thuần bán hàng thành phẩm	200.559.271.554	276.017.066.034
Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư	118.749.593.929	42.008.030.629
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ mạ	36.670.325.840	33.143.974.978
Doanh thu thuần khác	49.198.864	5.325.000
<b>Tổng</b>	<b>356.028.390.187</b>	<b>351.174.396.641</b>

**17. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	169.607.812.973	259.017.458.779
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	117.729.196.146	40.196.368.891
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.937.814.463	31.409.786.059
<b>Cộng</b>	<b>320.274.823.582</b>	<b>330.623.613.729</b>

**18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	66.347.637	90.287.120
Lãi từ Công ty TNHH MTV Cơ khí nguồn điện	-	5.136.292.616
Cổ tức, lợi nhuận được chia	275.000.000	125.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.664.480	108.614.099
<b>Tổng</b>	<b>345.012.117</b>	<b>5.460.193.835</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**19. Chi phí tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	11.947.271.952	9.325.516.286
Lỗ bán ngoại tệ	-	61.010.662
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	230.900.374	907.335.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.577	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.072.720	9.900
<b>Tổng</b>	<b>12.179.276.623</b>	<b>10.293.871.983</b>

**20. Lợi nhuận khác**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tiền thu từ bán phế liệu	1.653.131.614	2.733.382.941
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.359.296.706	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	80.000.000
Các khoản thu khác	561.532.750	17.085.181
<b>Cộng thu nhập khác</b>	<b>3.573.961.070</b>	<b>2.830.468.122</b>
Giá vốn phế liệu thanh lý	1.671.414.218	1.955.522.710
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	4.467.365
Các khoản chi khác	5.180.298	7.985.861
<b>Cộng chi phí khác</b>	<b>1.676.594.516</b>	<b>1.967.975.936</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>1.897.366.554</b>	<b>862.492.186</b>

**21. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	<b>5.991.864.071</b>	<b>7.394.477.537</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (*)	275.000.000	5.261.292.616
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	275.000.000	5.261.292.616
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	67.347.028	125.596.263
- Khấu hao ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	39.155.000	52.206.667
- Các khoản chi phí không được trừ khác	28.192.028	73.389.596
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.784.211.099</b>	<b>2.258.781.184</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.446.052.775</b>	<b>564.695.296</b>
Tổng doanh thu trong năm	356.028.390.187	351.203.845.619
Doanh thu được giảm thuế	8.386.665.389	351.203.845.619
Thu nhập được giảm thuế (30%)	136.253.862	2.258.781.184
Thuế TNDN được miễn giảm (*)	10.219.040	169.408.589
<b>Tổng cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.435.833.735</b>	<b>395.286.707</b>

(\*) Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**22. Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2012 VND/Cổ phiếu	Năm 2011 VND/Cổ phiếu
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.556.030.336	6.999.190.830
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.556.030.336	6.999.190.830
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.430.000	2.430.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.875</b>	<b>2.880</b>

**23. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.968.608.703	115.851.110.137
Chi phí nhân công	23.650.351.444	22.131.510.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.001.305.920	3.331.937.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.624.027.964	2.635.301.786
Chi phí khác bằng tiền	15.354.540.508	21.708.737.296
<b>Tổng</b>	<b>129.598.834.539</b>	<b>165.658.596.920</b>

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**a. Dự phòng phải thu ngắn hạn và dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH MTV SX & TM TERRAWOOD VN	251.380.200	24.479.400
Công ty CP KD XNK VTTB Minh Quang	-	54.976.184
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	-	1.027.732.723
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	101.381.526	-
Ban QLDA lưới điện - Công ty Điện lực 1	2.486.800	2.486.800
Công ty CP Sông Đà 702	58.497.064	58.497.064
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	6.307.024.217	2.957.160.768
Công ty TNHH TBXD chiếu sáng ĐT Tấn Phát	-	86.556.020
Công ty cơ khí & XD số 10 Thăng Long	181.189.485	181.189.485
Công ty nhiệt điện Ưng Bí - Tập đoàn điện lực VN	418.963.906	418.963.906
Công ty TNHH ĐT & XD Sông Lam	3.435.423.406	2.404.796.384
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	3.021.397.681	3.034.667.698
Công ty TNHH TM & DV Tuấn Long	24.238.465	-
Công ty TNHH Gia công Kim khí Ba Đình	22.157.765	31.653.950
Công ty CP Tập đoàn Hưng Hải	-	1.062.504.135
Công ty TNHH Đại Tiến Phát	10.000.001	-
EHWA Industrial Co.,LTD	295.317.527	295.317.527
Xí nghiệp Cơ khí XD - Công ty TNHH MTV XL điện 2	10.448.100	10.448.100
Đội XL điện 5 (CN 5 - Công ty TNHH MTV XL điện 2)	38.299.076	38.158.085
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.178.205.218</b>	<b>11.689.588.229</b>

13992  
CÔNG TY TNHH  
M T O  
VĂN TH  
QUẢN -

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>	<u>Tỷ lệ</u>
<b>Doanh thu bán hàng</b>				
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	Công ty con	Bán kết cấu thép, kẽm nhúng nóng	84.993.919.278	23,87%
Công ty TNHH Xây lắp PEC	Công ty con	Bán kết cấu thép, kẽm nhúng nóng	236.385.579	0,07%
<b>Thu nhập khác</b>				
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	Công ty con	Cung cấp vật tư	35.729.145	1,00%
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	Công ty con	Mua vật liệu	4.974.727.129	
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	Công ty con	Thực hiện công trình	130.390.239.967	
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	Công ty con	Cước vận chuyển	1.200.000.000	
Công ty TNHH Xây lắp PEC	Công ty con	Thi công nhà xưởng	1.210.458.628	
Công ty TNHH Xây lắp PEC	Công ty con	Cước vận chuyển	133.247.547	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>	<u>Tỷ lệ</u>
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>				
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	Công ty con	Thu tiền hàng	4.289.217.397	3,57%
<b>Các khoản phải thu khác</b>				
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	Công ty con	Phải thu tiền lợi nhuận	14.805.979.821	95,05%
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	Công ty con	Phải thu khác	212.433.360	1,36%
<b>Các khoản trả trước cho người bán</b>				
Công ty TNHH Xây lắp PEC	Công ty con	Trả trước tiền hàng	287.020.684	0,57%
<b>Các khoản phải trả khác ngắn, dài hạn</b>				
Tập đoàn điện lực Việt Nam	Trong tập đoàn	Phải trả tiền vay	4.148.720.060	43,00%
Tập đoàn điện lực Việt Nam	Trong tập đoàn	Phải trả cổ tức	2.754.900.000	28,55%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**6. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Hà Thanh Thủy**

**Phạm Thu Hằng**

**Lê Minh Hải**

